

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2026

Dự báo nguồn nước, xây dựng kế hoạch phân phối, sử dụng nước trong công trình thủy lợi, phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt, ứng vùng Đồng bằng sông Cửu Long mùa lũ năm 2026

BẢN TIN TUẦN 13
DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC ĐẾN NGÀY 23/9/2026, DỰ BÁO
NGUỒN NƯỚC TỪ NGÀY 24/9 ĐẾN NGÀY 03/10/2026

I DIỄN BIẾN THỜI TIẾT, SẢN XUẤT, NGUỒN NƯỚC ĐẾN NGÀY 24/9/2026

1.1 Diễn biến thời tiết

1.1.1 Diễn biến mưa trên lưu vực sông Mê Công

Theo kết quả quan trắc của Trung tâm Đại dương và Khí quyển Quốc gia Hoa Kỳ (NOAA): Đặc trưng thời tiết từ ngày 16/9 – 22/9/2026, trên lưu vực sông Mê Công ảnh hưởng chủ yếu bởi gió mùa Tây Nam và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ). Hình thái thời tiết này gây mưa ở mức trung bình trên lưu vực, lượng mưa biến đổi phổ biến từ 50 – 150 mm, một số nơi trên 150 mm, [xem Hình 2].

1.1.2 Diễn biến mưa trên vùng ĐBSCL

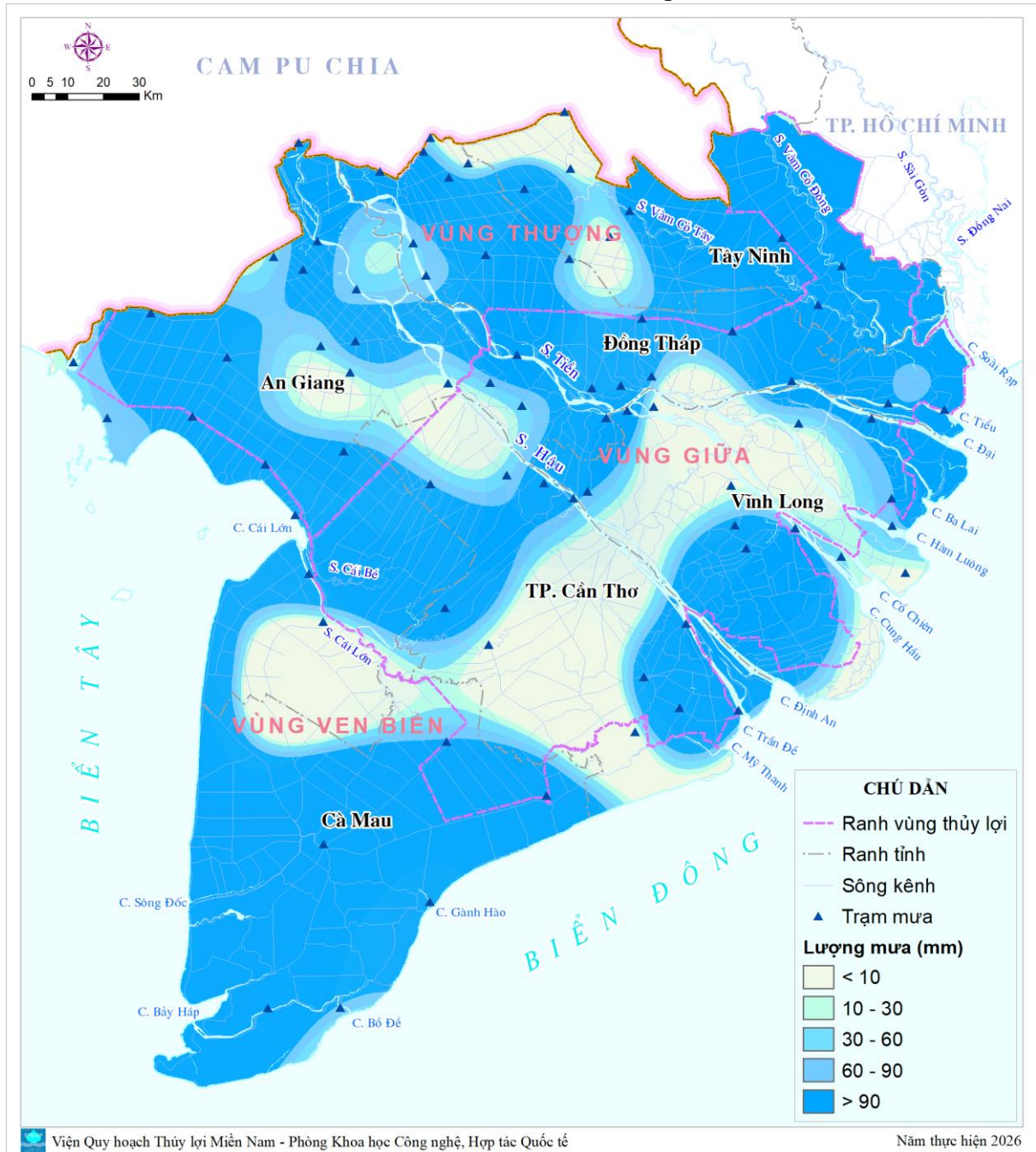
Lượng mưa lũy tích từ ngày 17/9 – 23/9/2026 trên vùng ĐBSCL ở mức cao và phân bố không đều, lượng mưa phổ biến từ 130-250 mm, một số nơi lượng mưa trên 250 mm, điển hình trạm Cà Mau lượng mưa tuần qua đạt 366,1 mm, [xem Bảng 1 và Hình 1].

Bảng 1. Lượng mưa ngày thực đo tuần qua tại các trạm chính trên vùng ĐBSCL

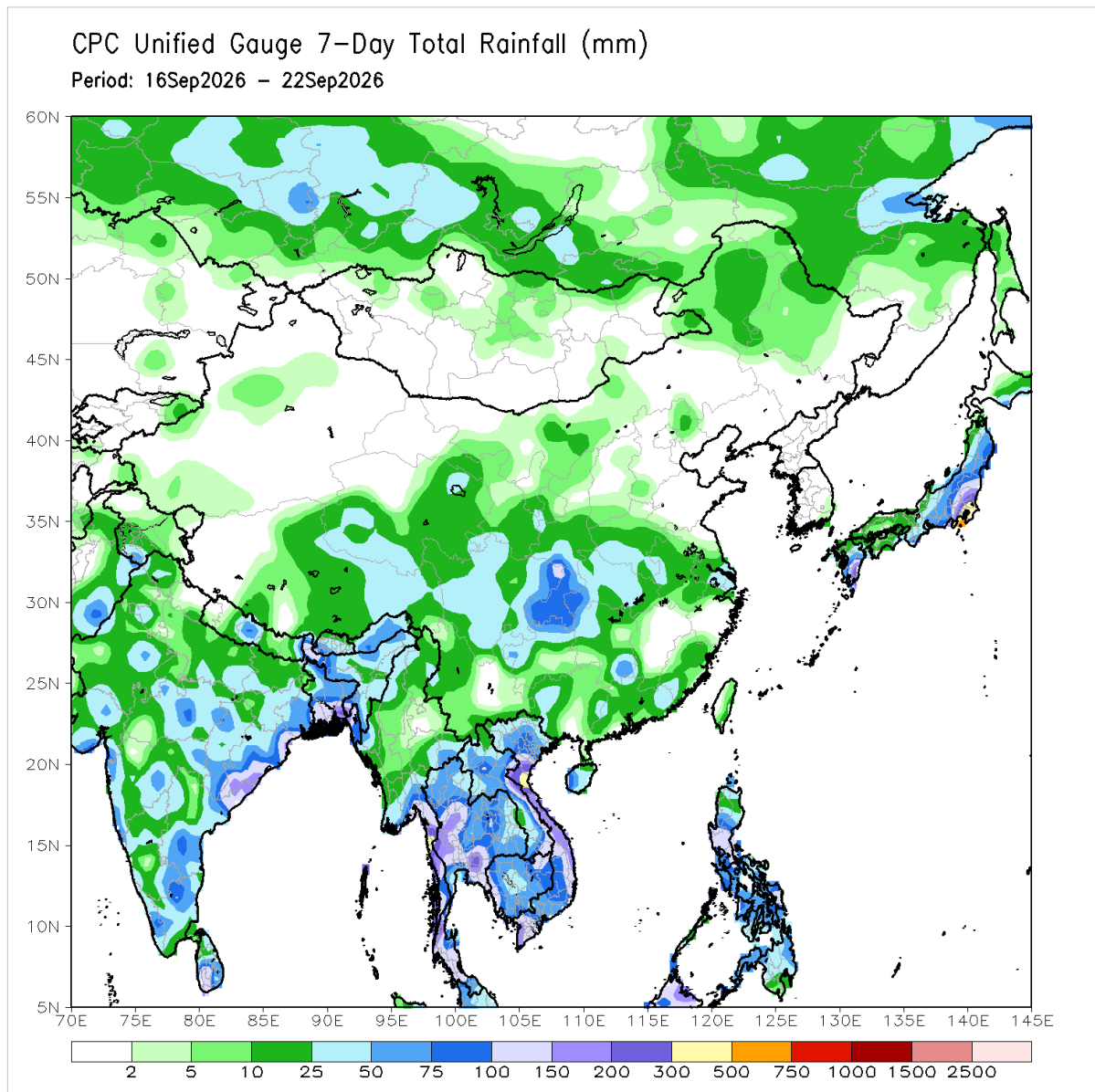
TT	Trạm	Tỉnh	Mưa thực đo (mm)							Lũy tích tuần
			17/9	18/9	19/9	20/9	21/9	22/9	23/9	
1	Mộc Hóa	Tây Ninh	1,1	23,2	0,0	0,0	79,4	26,1	0,8	130,6
2	Mỹ Tho	Đồng Tháp	17,6	52,0	5,9	32,2	13,4	12,6	39,8	173,5
3	Bến Tre	Vĩnh Long	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	23,2	12,6	35,8
4	Trà Vinh	Vĩnh Long	1,1	9,1	0,0	38,5	5,0	11,4	8,0	73,1
5	Vĩnh Long	Vĩnh Long	17,8	0,0	9,6	27,4	22,0	85,2	9,4	171,4
6	Cao Lãnh	Cần Thơ	30,2	0,9	18,6	0,2	88,2	25,4	13,2	176,7
7	Vị Thanh	Cần Thơ	8,6	1,6	78,2	53,4	25,8	21,8	6,0	195,4

TT	Trạm	Tỉnh	Mưa thực đo (mm)							Lũy tích tuần
			17/9	18/9	19/9	20/9	21/9	22/9	23/9	
8	Cần Thơ	Cần Thơ	0,8	3,0	48,0	11,0	5,6	19,6	12,6	100,6
9	Sóc Trăng	Cần Thơ	1,0	4,4	15,8	49,2	38,0	32,4	9,4	150,2
10	Rạch Giá	An Giang	0,0	0,0	9,6	134,8	22,2	38,8	14,6	220,0
11	Bạc Liêu	Cà Mau	0,0	16,6	75,8	11,0	58,8	31,8	21,6	215,6
12	Cà Mau	Cà Mau	8,8	24,3	63,1	5,9	37,7	174,6	51,7	366,1
Trung bình			7,3	11,3	27,1	30,3	33,0	41,9	16,6	167,4

Nguồn: Đài KTTV Khu vực Nam bộ



Hình 1. Bản đồ mưa lũy tích từ ngày 17/9 - 23/9/2026 trên vùng ĐBSCL

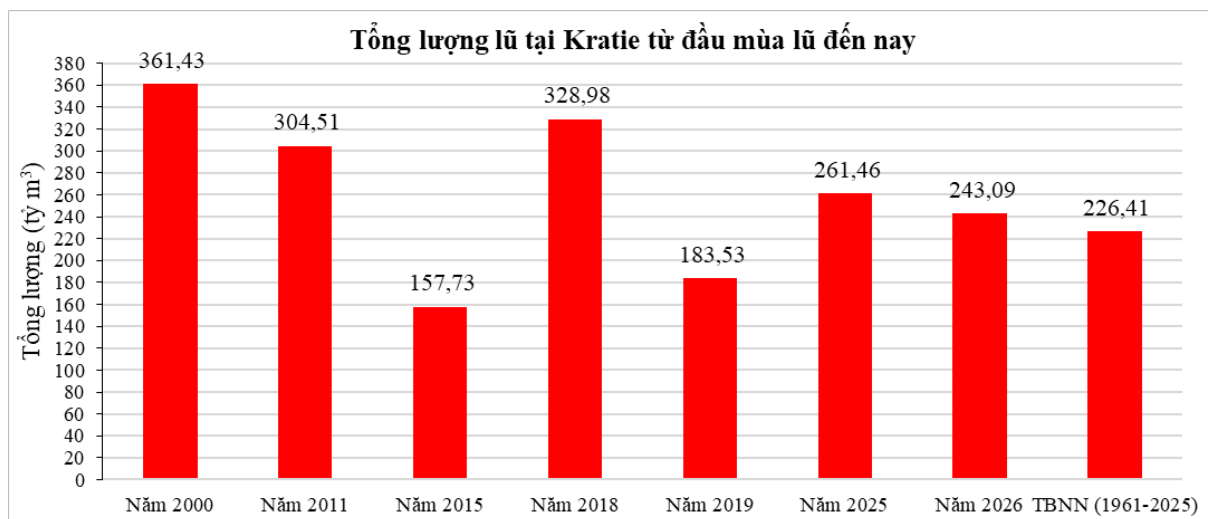


Nguồn: <http://www.cpc.ncep.noaa.gov>

Hình 2. Bản đồ mưa lũy tích tuần từ ngày 16/9 - 22/9/2026 trên lưu vực sông Mê Công

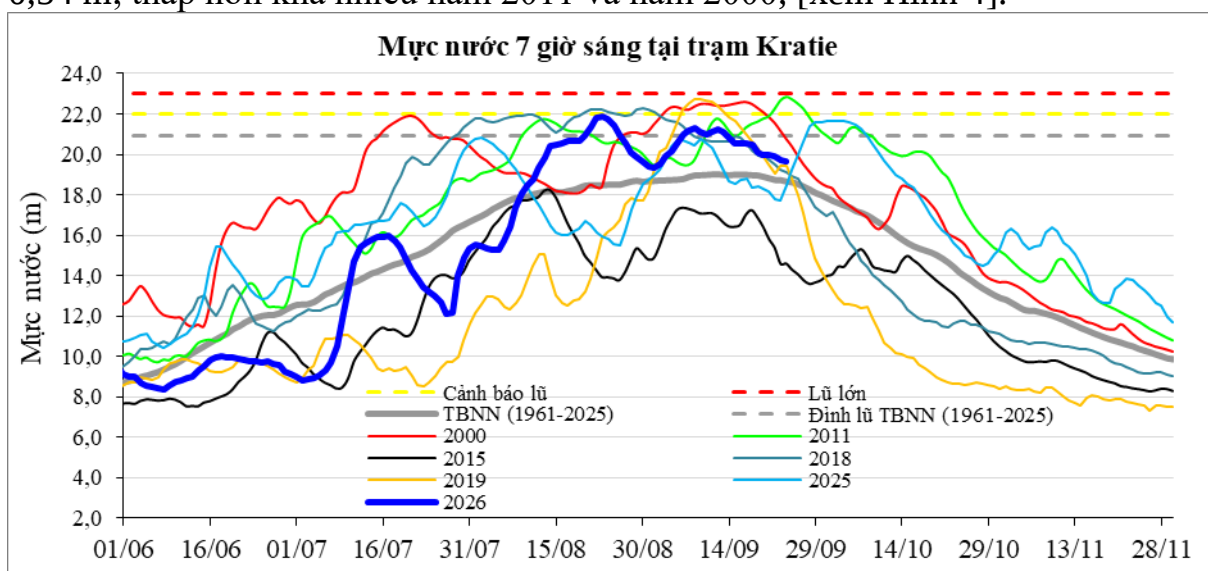
1.2 Diễn biến nguồn nước vào vùng ĐBSCL đến ngày 14/9/2026

Tại Kratie: Tổng lượng lũ từ ngày 01/6 đến 24/9/2026 tại Kratie đạt khoảng 243,08 tỷ m³. So với cùng kỳ: lớn hơn TBNN(1961-2025) khoảng 7%; nhỏ hơn năm 2025 khoảng 7%; nhỏ hơn nhiều các năm 2018, 2000, 2011, [xem Hình 3].



Hình 3. Tổng lượng lũ tại Kratie từ 01/6 đến ngày 24/9/2026

Mức nước tại Kratie trong tuần qua đang ở mức cao nhưng có xu thế giảm. Đến ngày 24/9/2026 mức nước lúc 7 giờ đo được tại Kratie là 19,62 m. So với cùng kỳ: cao hơn khá nhiều TBNN (1961-2025) và năm 2025; cao hơn năm 2018 0,54 m; thấp hơn khá nhiều năm 2011 và năm 2000, [xem Hình 4].

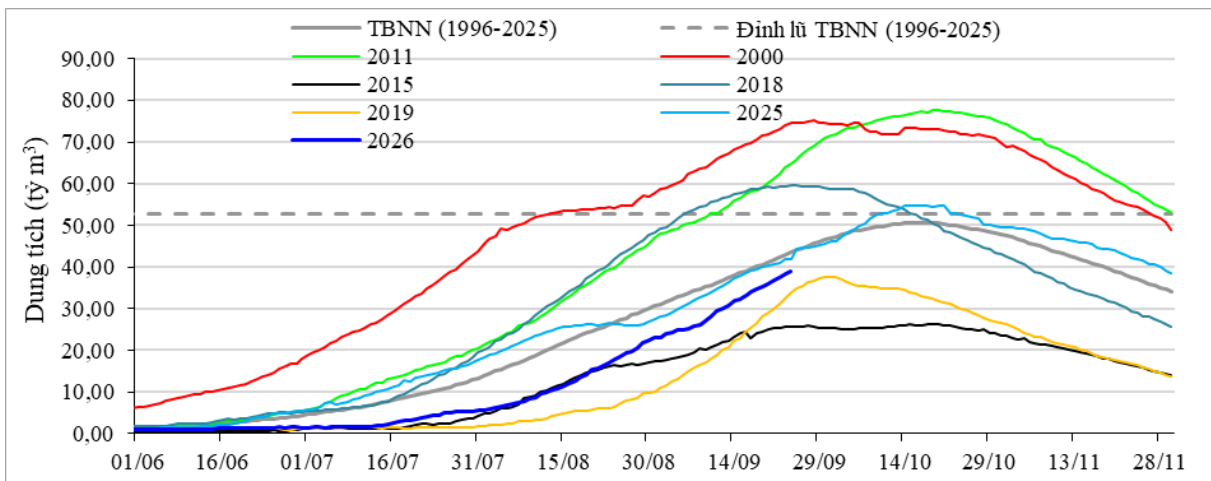


Hình 4. Diễn biến mực nước tại Kratie đến ngày 24/9/2026

Tại Biển Hồ: Dung tích Biển Hồ tuần qua ở mức thấp và có xu thế tăng. Đến ngày 24/9/2026 dung tích đạt 38,93 tỷ m³. So với cùng kỳ: thấp hơn TBNN (1961-2025) và năm 2025 từ 7-10%; thấp hơn nhiều các năm 2018, 2000 và 2011; chỉ cao hơn khá nhiều năm 2015 và năm 2019, [xem Bảng 2 và Hình 5].

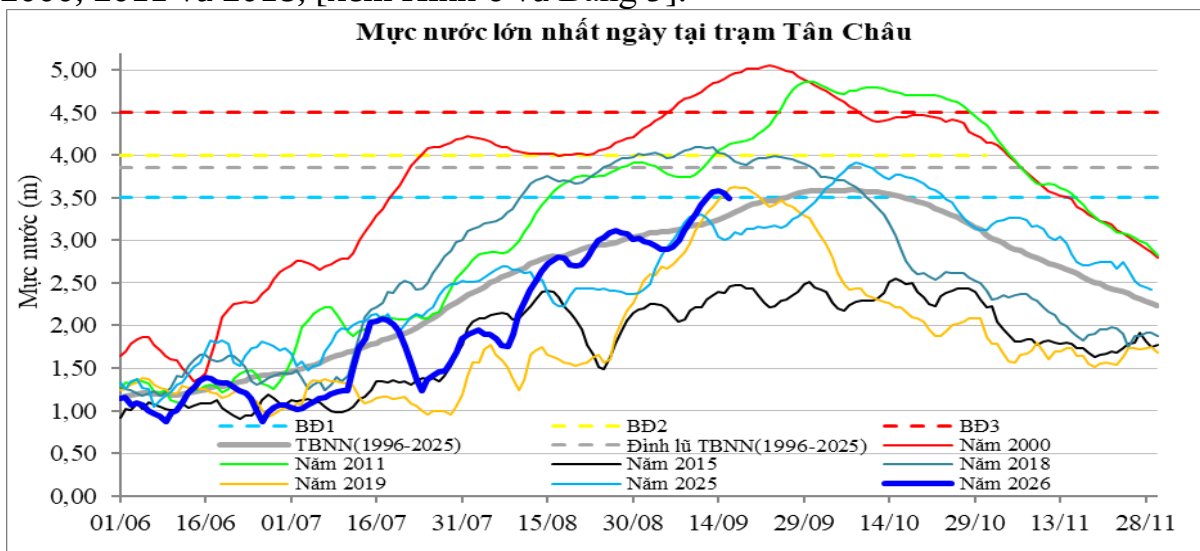
Bảng 2. Mức nước và dung tích Biển Hồ đến ngày 24/9/2026 so với cùng kỳ các năm điển hình

TT	Đặc trưng mực nước & dung tích	Mức nước và dung tích Biển Hồ							
		2026	2025	2019	2018	2015	2011	2000	TBNN (1996-2025)
1	Mức nước (m)	7,33	7,62	6,82	9,18	5,91	9,57	10,32	7,78
	<i>So sánh cùng kỳ các năm</i>		-0,29	0,51	-1,85	1,42	-2,24	-2,99	-0,45
2	Dung tích (tỷ m ³)	38,93	41,93	33,88	59,70	25,70	64,68	74,60	43,48
	<i>So sánh cùng kỳ các năm</i>		-3,00	5,05	-20,77	13,23	-25,75	-35,67	-4,55



Hình 5. Diễn biến dung tích Biển Hồ đến ngày 24/9/2026

Tại Tân Châu: Mức nước chịu ảnh hưởng bởi cả lũ thượng nguồn và thủy triều. Mức nước tại trạm Tân Châu trong tuần qua có xu thế giảm đến ngày 21/9, sau đó tăng trở lại theo triều. Mức nước lớn nhất ngày 23/9/2026 đạt 3,4 m. So với cùng kỳ: thấp hơn TBNN (1996-2025) 0,07 m; cao hơn năm 2025 0,25 m; xấp xỉ năm 2019; cao hơn nhiều năm 2015; nhưng vẫn còn thấp hơn nhiều các năm 2000, 2011 và 2018, [xem Hình 6 và Bảng 3].



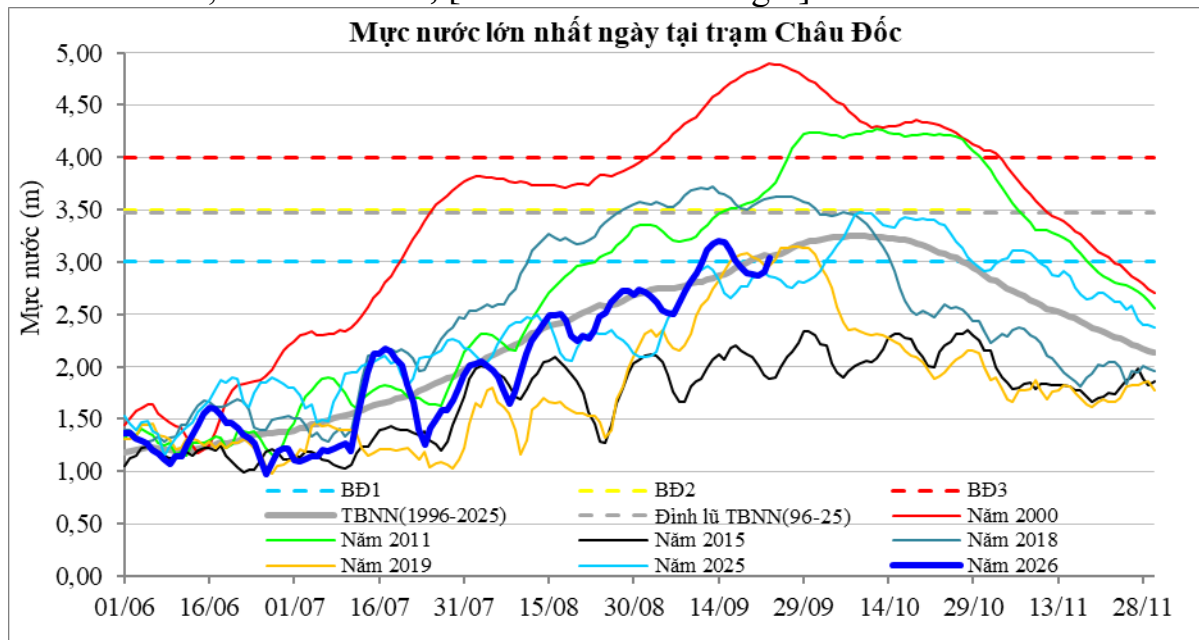
Hình 6. Diễn biến mực nước Max ngày tại trạm Tân Châu đến ngày 23/9/2026

Bảng 3. Mức nước Max ngày tuần qua tại trạm Tân Châu năm 2026 so với cùng kỳ các năm điển hình

Đơn vị: m

Ngày	2026	2025	2019	2018	2015	2011	2000	Hmax ngày TBNN (1996-2025)	Chênh lệch 2026-TBNN	Chênh lệch 2026-2025
17/9	3,42	3,03	3,63	3,93	2,47	4,14	4,96	3,33	0,09	0,39
18/9	3,36	3,09	3,62	3,90	2,47	4,16	4,98	3,37	-0,01	0,27
19/9	3,32	3,07	3,61	3,89	2,44	4,17	5,01	3,40	-0,08	0,25
20/9	3,29	3,13	3,56	3,94	2,43	4,20	5,02	3,43	-0,14	0,16
21/9	3,27	3,13	3,52	3,97	2,35	4,25	5,02	3,45	-0,18	0,14
22/9	3,32	3,16	3,45	3,97	2,26	4,30	5,04	3,46	-0,14	0,16
23/9	3,40	3,15	3,39	3,98	2,21	4,35	5,06	3,47	-0,07	0,25

Tại Châu Đốc: Mức nước chịu ảnh hưởng bởi cả lũ thượng nguồn và thủy triều. Mức nước tại trạm Châu Đốc trong tuần qua có xu thế giảm đến ngày 21/9, sau đó tăng trở lại theo triều. Mức nước lớn nhất ngày 23/9/2026 đạt 3,04 m. So với cùng kỳ: thấp hơn TBNN (1996-2025) 0,02 m; cao hơn năm 2025 0,17 m; cao hơn năm 2019 0,08 m; cao hơn nhiều năm 2015; nhưng vẫn còn thấp hơn nhiều các năm 2000, 2011 và 2018, [xem Hình 7 và Bảng 4].



Hình 7. Diễn biến mực nước Max ngày tại trạm Châu Đốc đến ngày 23/9/2026

Bảng 4. Mức nước Max ngày tuần qua tại trạm Châu Đốc năm 2026 so với cùng kỳ các năm điển hình

Đơn vị: m

Ngày	2026	2025	2019	2018	2015	2011	2000	Hmax ngày TBNN (1996-2025)	Chênh lệch 2026-TBNN	Chênh lệch 2026-2025
17/9	3,02	2,70	3,05	3,55	2,20	3,52	4,74	2,94	0,08	0,32
18/9	2,95	2,77	3,07	3,52	2,15	3,54	4,77	2,97	-0,02	0,18
19/9	2,90	2,77	3,08	3,50	2,12	3,56	4,81	3,00	-0,10	0,13

Ngày	2026	2025	2019	2018	2015	2011	2000	Hmax ngày TBNN (1996-2025)	Chênh lệch 2026-TBNN	Chênh lệch 2026-2025
20/9	2,88	2,85	3,05	3,54	2,09	3,58	4,83	3,03	-0,15	0,03
21/9	2,87	2,86	3,03	3,58	2,01	3,61	4,85	3,05	-0,18	0,01
22/9	2,91	2,90	2,98	3,60	1,92	3,66	4,87	3,06	-0,15	0,01
23/9	3,04	2,87	2,96	3,61	1,88	3,70	4,90	3,06	-0,02	0,17

1.3 Diễn biến mực nước nội đồng vùng ĐBSCL

1.3.1 Vùng Thượng ĐBSCL

Mực nước trong tuần qua ở mức khá cao, xấp xỉ TBNN, cao hơn cùng kỳ năm 2025, phổ biến cao hơn mức BĐI, riêng các trạm Long Xuyên (tỉnh An Giang), Trường Xuân (tỉnh Đồng Tháp) và trạm Mộc Hóa (tỉnh Tây Ninh) mực nước biến đổi phổ biến trên mức BĐII. Mực nước có xu thế giảm đến ngày 20-21/9, sau đó tăng trở lại theo triều, [xem Bảng 5].

Bảng 5. Diễn biến mực nước Max ngày tuần qua (03/9-09/9/2026) trên vùng Thượng ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
1	Tân Châu*	P. Tân Châu	An Giang	S. Tiền	3,42→3,27	↓
2	Châu Đốc*	P. Châu Đốc	An Giang	S. Hậu	3,04→2,87	↓
3	Sông Trăng	Hưng Điền	Tây Ninh	K. Sông Trăng	-	
4	Vàm Đồn	Khánh Hưng	Tây Ninh	K. Cái Cỏ	2,02→2,17	↑
5	Tân Hưng	Tân Hưng	Tây Ninh	K. Hồng Ngự - LA	2,25→2,40	↑
6	Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng	Tây Ninh	K. 28	2,22→2,37	↑
7	Mộc Hóa	Mộc Hóa	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,47→1,64	↑
8	Tuyên Nhơn	Thạnh Hóa	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,09→0,90	↓
9	T.Thới Hậu A	P. Thường Lạc	Đồng Tháp	S. Sở Thượng	3,81→3,73	↓
10	Dinh Bà	Tân Hộ Cơ	Đồng Tháp	K. Sở Hạ	3,11→3,20	↑
11	Tân Hồng	Tân Hộ Cơ	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	-	
12	Tân Công Sính	Tràm Chim	Đồng Tháp	K. Hồng Kỳ	-	
13	An Long	An Long	Đồng Tháp	K. Đồng Tiến	3,07→2,88	↓
14	Trường Xuân	Trường Xuân	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	2,01→2,13	↑
15	Mỹ An	Tháp Mười	Đồng Tháp	K. NV Tiếp	1,50→1,76	↑
16	Xuân Tô	P. Tịnh Biên	An Giang	K. Vĩnh Tế	3,16→3,29	↑
17	Khánh An	An Phú	An Giang	S. Bình Ghi	4,39→4,45	↑
18	Tri Tôn	Tri Tôn	An Giang	K. Tri Tôn	1,70→1,77	↑
19	Vàm Nao	Phú Tân	An Giang	S. Vàm Nao	2,72→2,48	↓
20	Long Xuyên	P. Long Xuyên	An Giang	S. Hậu	2,35→2,02	↓
21	Núi Sập	Thoại Sơn	An Giang	K. RG - Long Xuyên	1,60→1,70	↑

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
22	Vĩnh Điều	Giang Thành	An Giang	K. Vĩnh Tế	1,27→1,47	↑
23	Hòa Điền	Kiên Lương	An Giang	K. RG - Hà Tiên	-	
24	Ba Thê	Hòn Đất	An Giang	K. Ba Thê	-	

Ghi chú: * số liệu dự báo của Trung tâm khí tượng thủy văn quốc gia; -: Không có số liệu
 Trong cột H_max thực đo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong tuần qua.

1.3.2 Vùng Giữa ĐBSCL

Mức nước trong tuần qua biến đổi phổ biến ở mức BĐI-BĐII, một số trạm trên BĐII. Mức nước có xu thế giảm đến ngày 20-21/9, sau đó tăng trở lại theo triều, [xem Bảng 6].

Bảng 6. Diễn biến mực nước Max ngày tuần qua (03/9-09/9/2026) trên vùng Giữa ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
1	Cần Thơ	P. Cái Khế	Cần Thơ	S. Hậu	1,76→1,31	↓
2	Mỹ Thuận	P. Tân Ngã	Vĩnh Long	S. Tiền	1,04→1,64	↑
3	Tân Lập	Tân Long	Tây Ninh	K. Bo Bo	-	
4	Bến Lức	Bến Lức	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Đông	1,16→0,84	↓
5	Tân An	P. Long An	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,43→1,08	↓
6	Cai Lậy	Cai Lậy	Đồng Tháp	K. 12	1,14→1,45	↑
7	Long Định	Long Định	Đồng Tháp	K. Nguyễn Tấn Thành	1,19→0,84	↓
8	Mỹ Tho	P. Mỹ Tho	Đồng Tháp	S. Tiền	0,87→1,33	↑
9	Vàm Kênh	Gò Công Đông	Đồng Tháp	S. Cửa Tiểu	1,07→0,76	↓
10	Chợ Lách	Chợ Lách	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	0,96→1,55	↑
11	Mỹ Hóa	P. Bến Tre	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	0,82→1,34	↑
12	G1	Châu Thành	Vĩnh Long	S. Giao Hòa	-	
13	Cao Lãnh	Cao Lãnh	Đồng Tháp	S. Tiền	1,73→2,13	↑
14	Lai Vung	Lai Vung	Đồng Tháp	K. Hòa Long	2,10→1,78	↓
15	Ba Càng	Tam Bình	Vĩnh Long	S. Ba Càng	-	
16	G2	Quới An	Vĩnh Long	S. Măng Thít	-	
17	G3	Trà Ôn	Vĩnh Long	S. Măng Thít	-	
18	G4	Tân An	Vĩnh Long	S. An Trường	-	
19	Tân Hiệp	Tân Hiệp	An Giang	K. Cái Sắn	0,95→1,04	↑
20	Ô Môn	P. Ô Môn	Cần Thơ	K. Ô Môn	-	
21	Cờ Đỏ	Cờ Đỏ	Cần Thơ	K. Thốt Nốt	0,00→1,30	↑
22	Vị Thanh	P. Vị Thanh	Cần Thơ	K. Xà No	0,89→0,96	↑
23	Phụng Hiệp	P. Ngã Bảy	Cần Thơ	S. Cái Côn	1,50→1,24	↓
24	Đại Ngãi	Long Phú	Cần Thơ	S. Hậu	1,48→1,00	↓

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
25	G5	P. Ngã Năm	Cần Thơ	K. QL - Phụng Hiệp	-	
26	Phước Long	Phước Long	Cà Mau	K. QL - Phụng Hiệp	0,92→1,06	↑
27	Giồng Riềng	Giồng Riềng	An Giang	K. Nước Mặn	-	

Ghi chú: - Không có số liệu

Trong cột H_max thực đo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong tuần qua.

1.3.3 Vùng Ven Biển ĐBSCL

Mực nước trong tuần qua biến đổi phổ biến dưới BDI, chỉ riêng trạm Cà Mau (tỉnh Cà Mau) và trạm Sông Đốc (tỉnh Cà Mau) mực nước vượt BDI. Mực nước có xu thế giảm đến ngày 20-21/9, sau đó tăng trở lại theo triều, [xem Bảng 7].

Bảng 7. Diễn biến mực nước Max ngày tuần qua (03/9-09/9/2026) trên vùng Ven Biển ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
1	Bình Đại	Bình Đại	Vĩnh Long	S. Cửa Đại	1,20→0,93	↓
2	An Thuận	Tân Thủy	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,17→0,85	↓
3	Bến Trại	Thanh Phong	Vĩnh Long	S. Cổ Chiên	0,97→1,37	↑
4	Trà Vinh	P. Hòa Thuận	Vĩnh Long	S. Cổ Chiên	1,03→1,61	↑
5	VB1	Đôn Châu	Vĩnh Long	K. Quan Chánh Bó	-	
6	Trần Đề	Trần Đề	Cần Thơ	S. Mỹ Thanh	1,73→1,30	↓
7	VB2	P. Khánh Hòa	Cần Thơ	S. Mỹ Thanh	-	
8	VB4	Giá Rai	Cà Mau	K. CM - Bạc Liêu	-	
9	VB3	P. Bạc Liêu	Cà Mau	S. Bạc Liêu	-	
10	Cà Mau	P. Lý Văn Lâm	Cà Mau	S. Gành Hào	1,01→1,15	↑
11	Năm Căn	Ngọc Hiển	Cà Mau	S. Cửa Lớn	1,37→0,95	↓
12	Sông Đốc	Trần Văn Thời	Cà Mau	S. Ông Đốc	0,87→1,11	↑
13	VB5	Thới Bình	Cà Mau	S. Trẹm	-	
14	Rạch Giá	P. Rạch Giá	An Giang	S. Kiên	0,69→0,56	↓
15	Xẻo Rô	Châu Thành	An Giang	S. Cái Lớn	0,88→0,61	↓
16	Vàm Răng	Hòn Đất	An Giang	K. RG - Hà Tiên	1,00→1,20	↑
17	Vàm Rầy	Hòn Đất	An Giang	K. HT - Rạch Giá	1,19→1,08	↓
18	VB7	An Minh	An Giang	K. Cán Gáo	-	
19	VB6	Vĩnh Thuận	An Giang	S. Cái Lớn	-	

Ghi chú: - Không có số liệu

Trong cột H_max thực đo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong tuần qua.

1.4 Diễn biến sản xuất lúa

Năm 2026, kế hoạch xuống giống vụ lúa Hè Thu trên ĐBSCL là 1.472.822 ha, xấp xỉ diện tích xuống giống năm 2025. Ngày 24/7/2026, vùng ĐBSCL đã kết

thúc xuống giống với diện tích 1.466.057 ha (đạt 99,5% so với kế hoạch), trong đó TP. Cần Thơ và tỉnh Cà Mau có diện tích xuống giống vượt kế hoạch. Đến nay diện tích đã thu hoạch trên toàn đồng bằng khoảng 1.204.588 ha (đạt khoảng 82% so với diện tích xuống giống).

Kế hoạch xuống giống vụ lúa Thu Đông năm 2026 là 763.601 ha (bao gồm cả phần diện tích ngoài vùng ĐBSCL của tỉnh Tây Ninh do chưa tách riêng được phần sản xuất lúa thuộc vùng ĐBSCL). Hiện tại đã xuống giống được 464.262 ha (tương đương 61% so với kế hoạch). Ở một số xã của tỉnh Tây Ninh như Nhơn Hòa Lập, Nhơn Ninh, Tân Thạnh và một số xã ở Đồng Tháp đã lác đác có diện tích thu hoạch, tổng cộng khoảng 33.422 ha [xem 0].

Diễn biến sản xuất vụ lúa Hè Thu và Thu Đông đến ngày 18/9/2026

TT	Địa phương	Vụ Hè Thu (ha)			Vụ Thu Đông (ha)		
		Xuống giống	Thu hoạch	Chưa thu hoạch	Kế hoạch xuống giống	Xuống giống	Thu hoạch
1	Tây Ninh*	267.120	238.049	29.070	124.500	53.527	19.628
2	Đồng Tháp	216.381	202.467	13.915	149.500	120.760	13.794
3	Vĩnh Long	104.697	71.638	33.059	109.600	28.009	-
4	An Giang	499.700	371.135	128.565	247.700	160.470	-
5	Cần Thơ	284.022	284.022	-	98.250	99.764	-
6	Cà Mau	94.137	37.277	56.860	34.051	1.732	-
Tổng		1.466.057	1.204.588	261.469	763.601	464.262	33.422

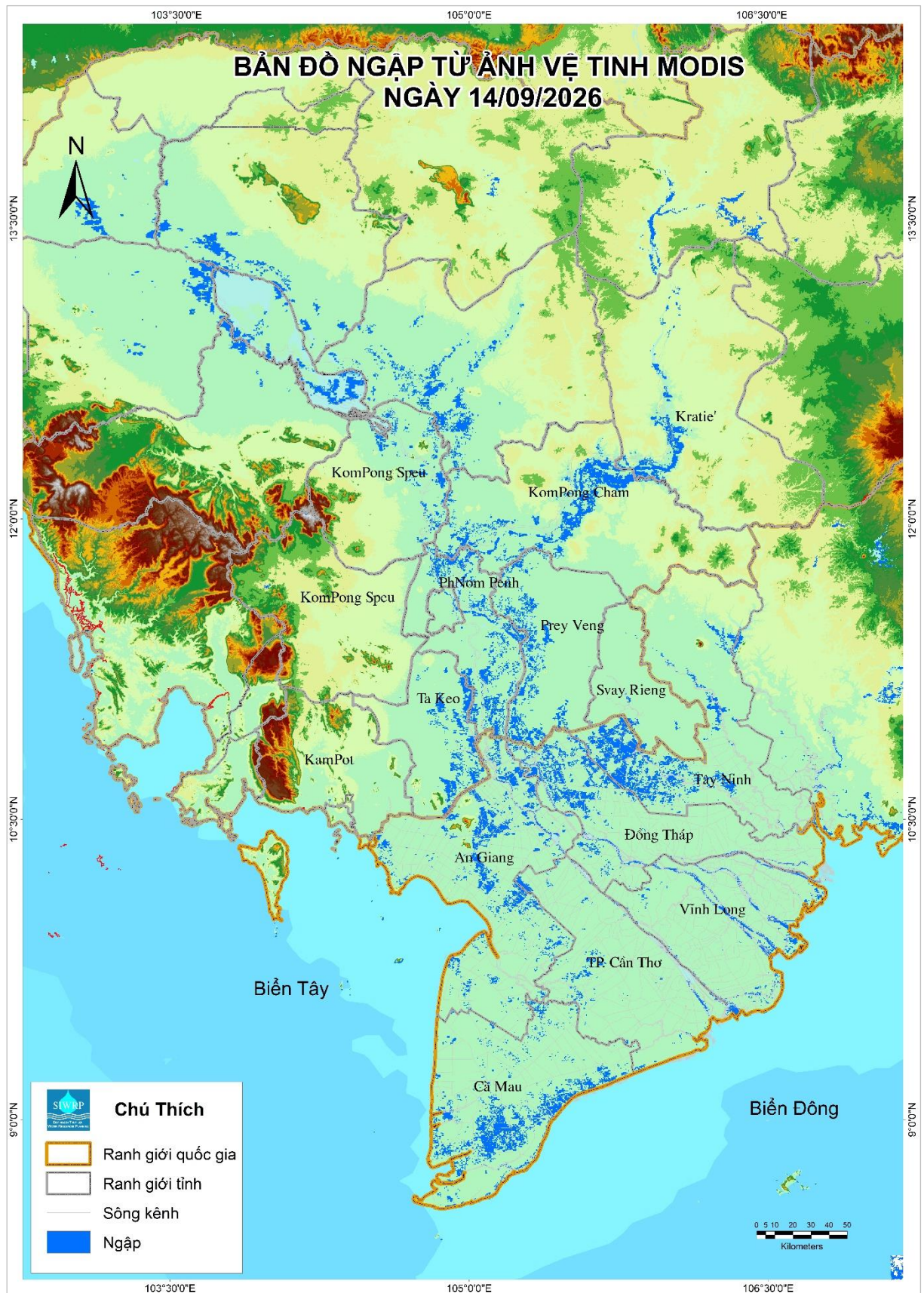
* Diện tích sản xuất của cả tỉnh Tây Ninh sau sáp nhập

Nguồn: Cục trồng trọt và Bảo vệ thực vật

1.5 Tình hình ngập úng, thiệt hại do mưa, lũ và triều cường

Kết quả giải đoán ảnh vệ tinh MODIS ngày 14/09/2026 cho thấy, trên lưu vực hạ lưu sông Mê Công đã xảy ra ngập nhiều nơi trên các khu vực trũng thấp ven sông thuộc 2 tỉnh Prey Veng và Takeo của Campuchia. Vùng ĐBSCL đã xảy ra ngập trên diện rộng thuộc vùng Thượng ĐBSCL, ngập chủ yếu trên khu vực ô bao kiểm soát lũ tháng 8 đã thu hoạch xong lúa Hè Thu và các ô kiểm soát lũ cả năm (không sản xuất vụ Thu Đông chủ động xả lũ).

Một số khu vực thuộc các tỉnh Cà Mau, An Giang, Vĩnh Long xuất hiện các điểm ngập nước là do nuôi trồng thủy sản ở các khu vực ven biển, [xem Hình 8].

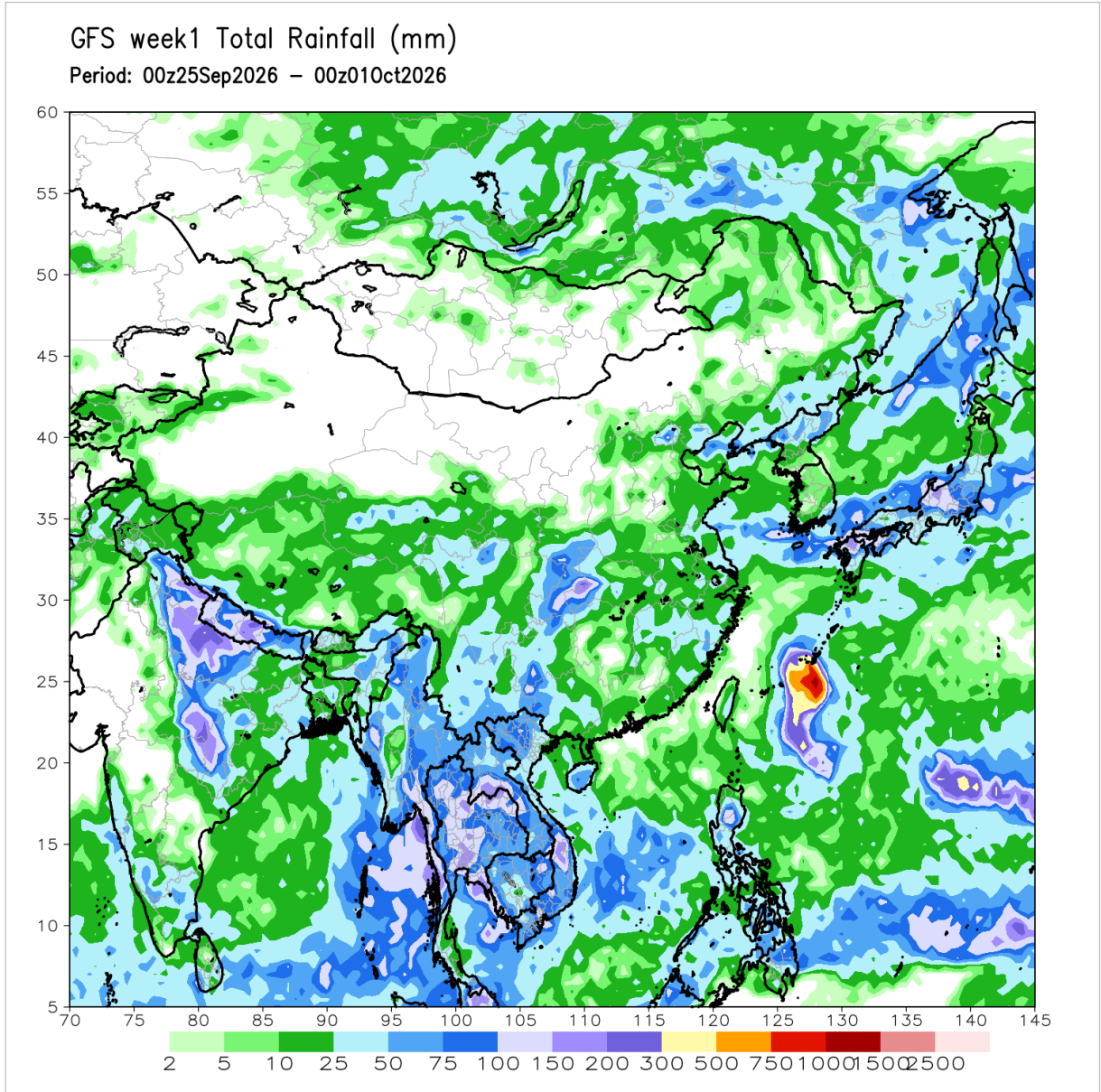


Hình 8. Bản đồ ngập giải đoán từ ảnh vệ tinh MODIS chụp ngày 14/9/2026

II DỰ BÁO MƯA, LŨ THUỜNG NGUỒN VÀ THỦY TRIỀU

2.1 Dự báo mưa trên lưu vực sông Mê Công

Theo kết quả dự báo của Trung tâm Đại dương và Khí quyển Quốc gia Hoa Kỳ (NOAA): Lượng mưa ngày dự báo tuần tới trên lưu vực hạ lưu sông Mê Công ở mức thấp trung bình đến thấp, phổ biến từ 50-100 mm, chỉ một số nơi trên 100 mm, [xem Hình 9].



Nguồn: <http://www.cpc.ncep.noaa.gov>

Hình 9. Dự báo mưa lũy tích tuần tới từ ngày 25/9 - 01/10/2026 khu vực hạ lưu sông Mê Công

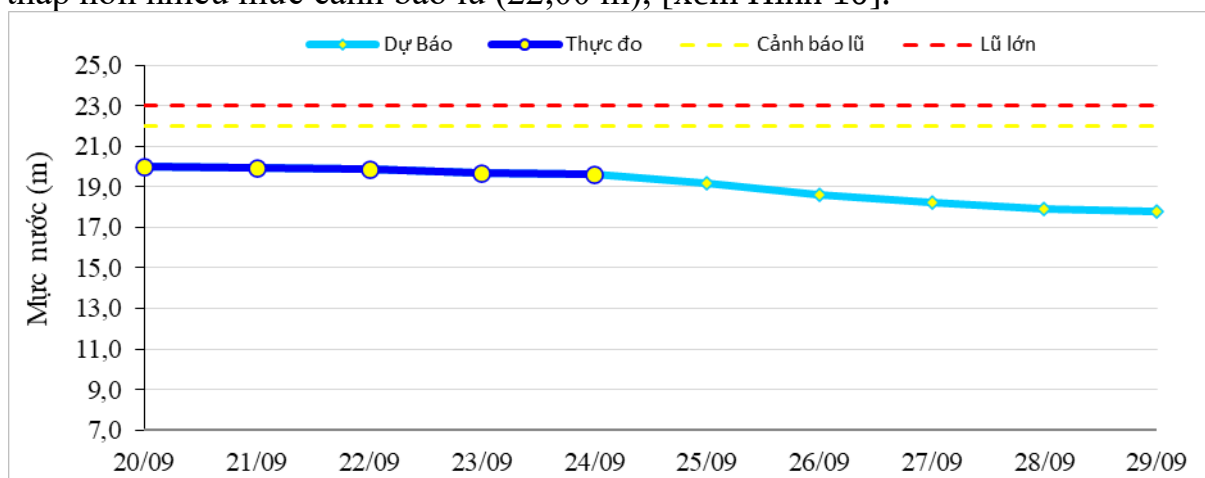
Theo kết quả Downscaling từ mô hình dự báo mưa toàn cầu NOAA, mưa dự báo trên vùng ĐBSCL lũy tích trong 7 ngày tới ở mức khá cao biến từ 80-150 mm và trên 150 mm, lượng mưa cao nhất tập trung vào ngày 25/9, [xem Bảng 8].

Bảng 8. Dự báo mưa 7 ngày tới tại một số trạm chính trên vùng ĐBSCL

TT	Trạm	Tỉnh	Mưa dự báo (mm)							Lũy tích tuần
			25/9	26/9	27/9	28/9	29/9	30/9	01/10	
1	Mộc Hóa	Tây Ninh	18,3	16,1	8,7	9,5	11,6	4,5	4,2	72,8
2	Mỹ Tho	Đồng Tháp	19,9	18,7	20,5	15,5	15,7	7,1	3,2	100,6
3	Bến Tre	Vĩnh Long	19,3	18,3	21,7	12,2	15,5	8,7	3,3	98,9
4	Trà Vinh	Vĩnh Long	23,4	18,1	21,5	10,5	13,6	12,0	6,6	105,7
5	Vĩnh Long	Vĩnh Long	20,8	16,5	11,9	10,2	11,2	12,0	6,5	89,2
6	Cao Lãnh	Cần Thơ	36,6	15,7	5,6	6,7	8,6	11,4	4,8	89,4
7	Vị Thanh	Cần Thơ	37,0	16,5	11,0	8,2	9,5	7,2	0,7	90,1
8	Cần Thơ	Cần Thơ	21,9	13,6	10,4	10,1	10,3	12,1	2,8	81,0
9	Sóc Trăng	Cần Thơ	25,3	22,0	15,7	10,9	10,0	13,3	5,5	102,7
10	Rạch Giá	An Giang	133,6	21,4	16,1	9,0	4,9	2,7	0,0	187,8
11	Bạc Liêu	Cà Mau	32,2	12,8	17,0	16,1	7,7	11,8	1,5	99,0
12	Cà Mau	Cà Mau	30,3	21,2	8,8	7,8	5,8	8,3	4,7	86,8
Trung bình			34,9	17,6	14,1	10,6	10,4	9,2	3,7	100,3

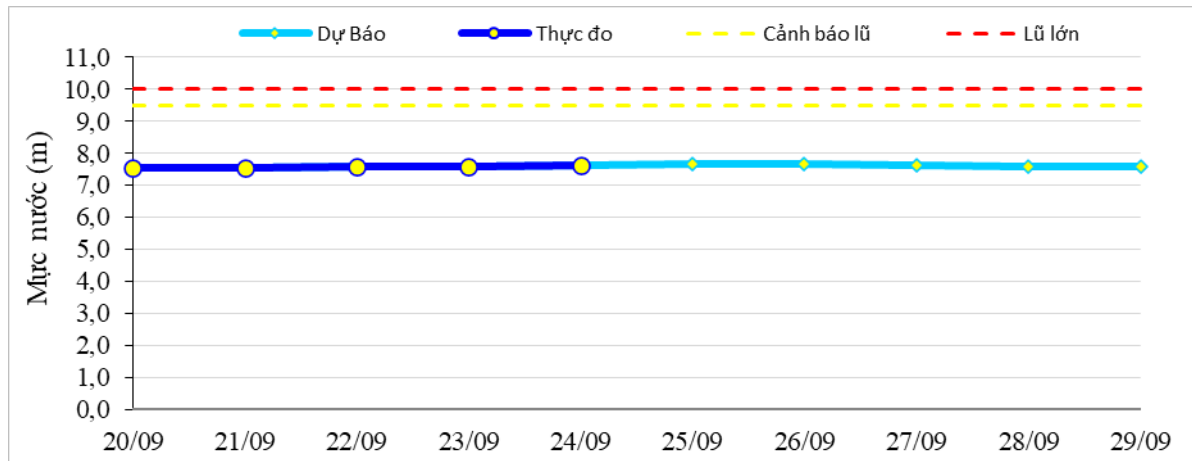
2.2 Dự báo mực nước thượng lưu

Trạm Kratie: Theo kết quả dự báo của Ủy hội sông Mê Công (MRC) cho thấy, mực nước 7 giờ tại trạm Kratie trong 5 ngày tới có xu thế giảm khá mạnh với cường suất trung bình 36,2 cm/ngày, dự báo đến ngày 29/9/2026 đạt 17,81 m, thấp hơn nhiều mức cảnh báo lũ (22,00 m), [xem Hình 10].



Hình 10. Dự báo mực nước 5 ngày từ 25/9-29/9/2026 tại Kratie

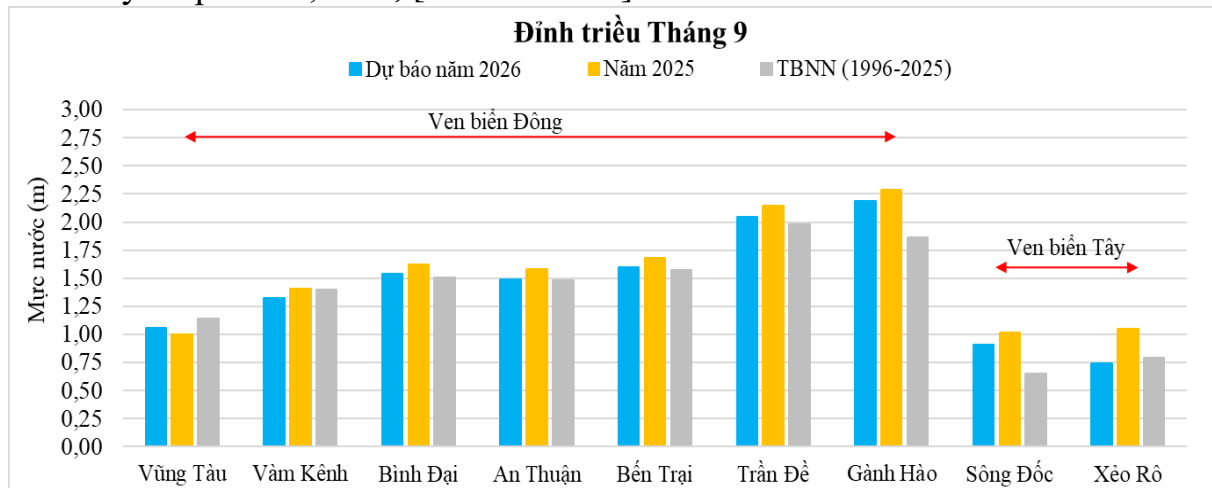
Trạm Prek Kdam: Mực nước 7 giờ tại trạm Prek Kdam trong 5 ngày tới có xu thế giảm nhẹ, dự báo đến ngày 29/9/2026 đạt 7,59 m, thấp hơn nhiều mức cảnh báo lũ (9,50 m), [xem Hình 11].



Hình 11. Dự báo mực nước 5 ngày từ 25/9-29/9/2026 tại Prek Kdam

2.3 Dự báo mực nước thủy triều

Triều hiện đang ở mức trung bình và dự báo tiếp tục tăng trong 5 ngày tới, sau đó giảm trở lại. Theo kết quả dự báo triều của viện Kỹ thuật Biển, đỉnh triều dự báo tháng 9 năm 2026 phổ biến cao hơn TBNN (1996-2025) nhưng thấp hơn cùng kỳ năm 2025. Cụ thể, cao hơn TBNN (1996-2025) bình quân khoảng 0,06 m, trong đó khu vực các trạm ven biển Đông cao hơn 0,04 m, khu vực các trạm ven biển Tây cao hơn 0,11 m. Thấp hơn năm 2025 bình quân khoảng 0,10 m, trong đó khu vực các trạm ven biển Đông thấp hơn 0,07 m, khu vực các trạm ven biển Tây thấp hơn 0,21 m, [xem Hình 12].



Hình 12. Mực nước dự báo Max tháng 9 năm 2026 và cùng kỳ các năm

Trong tháng 9 năm 2026 có 2 đợt triều cường. Đợt 1 cao nhất tháng rơi vào tuần 2 tháng 9, đợt 2 rơi vào 3 ngày cuối tháng 9 là đỉnh cao nhất tháng 9, cao hơn khá nhiều so với đợt 1. Chỉ riêng các trạm ven biển Tây đỉnh 1 xấp xỉ và cao hơn đỉnh 2, [xem Bảng 9].

Bảng 9. Đặc trưng mực nước triều dự báo tháng 9 năm 2026

TT	Trạm	Đỉnh triều đợt 1 (m)	Ngày đạt	Đỉnh triều đợt 2 (m)	Ngày đạt
1	Vũng Tàu	0,98	12/9	1,06	28/9
2	Vàm Kênh	1,24	12/9	1,32	29/9
3	Bình Đại	1,45	12/9	1,54	29/9
4	An Thuận	1,40	12/9	1,49	28/9
5	Bến Trại	1,52	12/9	1,60	30/9
6	Trần Đề	1,91	12/9	2,05	30/9
7	Gành Hào	2,06	12/9	2,19	30/9
8	Sông Đốc	0,91	06/9	0,91	30/9
9	Xẻo Rô	0,74	07/9	0,67	30/9

Nguồn: Viện Kỹ thuật Biển

III DỰ BÁO MỰC NƯỚC NỘI ĐỒNG VÙNG ĐBSCL

3.1 Mạng lưới trạm dự báo

Tổng số các trạm dự báo mực nước trên vùng ĐBSCL là 70 trạm, gồm 4 trạm trên dòng chính và 66 trạm trong vùng nội đồng [xem Hình 13].

- Trạm Tân Châu (trên sông Tiền), Châu Đốc (trên sông Hậu), do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương thực hiện dự báo. Trạm Mỹ Thuận (trên sông Tiền) và Cần Thơ (trên sông Hậu) do Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam dự báo.

- Trong khu vực nội đồng gồm 66 trạm do Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam dự báo được chia thành 3 vùng:

- + Vùng Thượng ĐBSCL bao gồm 22 trạm
- + Vùng Giữa ĐBSCL bao gồm 25 trạm
- + Vùng Ven Biển bao gồm 19 trạm.



Hình 13. Bản đồ vị trí các trạm dự báo nguồn nước vùng ĐBSCL

3.2 Dự báo mực nước trong 10 ngày tới (từ ngày 03/9 đến 12/9/2026)

3.2.1 Vùng Thượng ĐBSCL

Theo Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, mực nước đầu nguồn sông Cửu Long tại trạm Tân Châu và Châu Đốc được dự báo có xu thế tăng trong 05 ngày tới. Đến ngày 28/9/2026, tại Tân Châu đạt 3,55 m, tại Châu Đốc đạt 3,20 m.

Kết quả dự báo đỉnh lũ chính vụ năm 2026 của Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam: Lũ đầu nguồn sông Cửu Long đang lên theo triều cường rằm tháng tám âm lịch, dự báo đạt đỉnh vào ngày 30/9-01/10/2026, tại Tân Châu khoảng

3,60 - 3,70 m (>BDI 0,1 - 0,2 m); Châu Đốc khoảng 3,3 - 3,4 m (>BDI 0,3 - 0,4 m), nếu không có mưa bão bất thường thì đây cũng là đỉnh lũ chính vụ năm 2026.

Mức nước các trạm thuộc khu vực Đồng Tháp Mười và khu vực Tứ giác Long Xuyên đều có xu thế tăng và đạt đỉnh kỳ triều cuối tháng 9 đầu tháng 10 ở mức từ BDI-BDII, riêng các trạm Trường Xuân (tỉnh Đồng Tháp) và trạm Mộc Hóa (tỉnh Tây Ninh) mức nước trên BDII, trạm Long Xuyên (tỉnh An Giang) mức nước trên BDIII. Nguy cơ cao sẽ xảy ra ngập úng tại một số khu vực ven sông chính trên vùng Thượng trong kỳ triều cường này, [xem Bảng 10].

Bảng 10. Diễn biến mực nước dự báo ở các trạm nội đồng vùng Thượng ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H _{max} dự báo	Xu thế
1	Tân Châu*	P. Tân Châu	An Giang	S. Tiền	3,43→3,55	↑
2	Châu Đốc*	P. Châu Đốc	An Giang	S. Hậu	3,09→3,20	↑
3	Sông Trăng	Hưng Điền	Tây Ninh	K. Sông Trăng	2,52→2,55	↑
4	Vàm Đồn	Khánh Hưng	Tây Ninh	K. Cái Cỏ	2,17→2,23	↑
5	Tân Hưng	Tân Hưng	Tây Ninh	K. Hồng Ngự - LA	2,42→2,60	↑
6	Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng	Tây Ninh	K. 28	2,39→2,57	↑
7	Mộc Hóa	Mộc Hóa	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,64→1,74	↑
8	Tuyên Nhơn	Thanh Hóa	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,06→1,21	↑
9	T.Thới Hậu A	P. Thường Lạc	Đồng Tháp	S. Sở Thượng	3,74→3,82	↑
10	Dinh Bà	Tân Hộ Cơ	Đồng Tháp	K. Sở Hạ	3,19→3,29	↑
11	Tân Hồng	Tân Hộ Cơ	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	2,99→2,91	↓
12	Tân Công Sính	Tràm Chim	Đồng Tháp	K. Hồng Kỳ	2,79→2,86	↑
13	An Long	An Long	Đồng Tháp	K. Đồng Tiến	3,04→3,15	↑
14	Trường Xuân	Trường Xuân	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	2,13→2,23	↑
15	Mỹ An	Tháp Mười	Đồng Tháp	K. NV Tiếp	1,77→1,96	↑
16	Xuân Tô	P. Tịnh Biên	An Giang	K. Vĩnh Tế	3,29→3,35	↑
17	Khánh An	An Phú	An Giang	S. Bình Ghi	4,47→4,44	↓
18	Tri Tôn	Tri Tôn	An Giang	K. Tri Tôn	1,78→1,93	↑
19	Vàm Nao	Phú Tân	An Giang	S. Vàm Nao	2,74→2,89	↑
20	Long Xuyên	P. Long Xuyên	An Giang	S. Hậu	2,38→2,89	↑
21	Núi Sập	Thoại Sơn	An Giang	K. RG - Long Xuyên	1,71→1,87	↑
22	Vĩnh Điều	Giang Thành	An Giang	K. Vĩnh Tế	1,48→1,60	↑
23	Hòa Điền	Kiên Lương	An Giang	K. RG - Hà Tiên	0,69→0,94	↑
24	Ba Thê	Hòn Đất	An Giang	K. Ba Thê	1,74→1,90	↑

Ghi chú: * số liệu dự báo của Trung tâm khí tượng thủy văn quốc gia
Trong cột H_{max} dự báo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong 10 ngày tới.

3.2.2 Vùng Giữa ĐBSCL

Mực nước có xu thế tăng và đạt đỉnh kỳ triều cường vào các ngày 29/9-01/10, đỉnh phổ biến cao hơn BĐIII từ 0,03-0,30 m, riêng trạm Cần Thơ (TP. Cần Thơ), trạm Mỹ Thuận (tỉnh Vĩnh Long) đỉnh kỳ triều cường vượt BĐIII từ 0,35-0,4 m. Nguy cơ cao sẽ xảy ra ngập úng trên các địa phương vùng Giữa trong kỳ triều cường này, [xem Bảng 11].

Bảng 11. Diễn biến mực nước dự báo ở các trạm nội đồng vùng Giữa ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max dự báo	Xu thế
1	Cần Thơ	P. Cái Khế	Cần Thơ	S. Hậu	1,77→2,30	↑
2	Mỹ Thuận	P. Tân Ngãi	Vĩnh Long	S. Tiền	1,71→2,20	↑
3	Tân Lập	Tân Long	Tây Ninh	K. Bo Bo	1,26→1,53	↑
4	Bến Lức	Bến Lức	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Đông	1,16→1,50	↑
5	Tân An	P. Long An	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,45→1,68	↑
6	Cai Lậy	Cai Lậy	Đồng Tháp	K. 12	1,46→1,69	↑
7	Long Định	Long Định	Đồng Tháp	K. Nguyễn Tấn Thành	1,21→1,46	↑
8	Mỹ Tho	P. Mỹ Tho	Đồng Tháp	S. Tiền	1,38→1,72	↑
9	Vàm Kênh	Gò Công Đông	Đồng Tháp	S. Cửa Tiểu	1,09→1,41	↑
10	Chợ Lách	Chợ Lách	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,59→1,93	↑
11	Mỹ Hóa	P. Bến Tre	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,39→1,65	↑
12	G1	Châu Thành	Vĩnh Long	S. Giao Hòa	1,34→1,61	↑
13	Cao Lãnh	Cao Lãnh	Đồng Tháp	S. Tiền	2,15→2,39	↑
14	Lai Vung	Lai Vung	Đồng Tháp	K. Hòa Long	2,07→2,34	↑
15	Ba Càng	Tam Bình	Vĩnh Long	S. Ba Càng	1,17→1,52	↑
16	G2	Quới An	Vĩnh Long	S. Măng Thít	1,53→1,81	↑
17	G3	Trà Ôn	Vĩnh Long	S. Măng Thít	1,55→1,83	↑
18	G4	Tân An	Vĩnh Long	S. An Trường	0,62→0,76	↑
19	Tân Hiệp	Tân Hiệp	An Giang	K. Cái Sắn	1,04→1,19	↑
20	Ô Môn	P. Ô Môn	Cần Thơ	K. Ô Môn	1,63→1,90	↑
21	Cờ Đỏ	Cờ Đỏ	Cần Thơ	K. Thốt Nốt	1,31→1,47	↑
22	Vị Thanh	P. Vị Thanh	Cần Thơ	K. Xà No	0,89→0,96	↑
23	Phụng Hiệp	P. Ngã Bảy	Cần Thơ	S. Cái Côn	1,51→1,76	↑
24	Đại Ngãi	Long Phú	Cần Thơ	S. Hậu	1,46→1,86	↑
25	G5	P. Ngã Năm	Cần Thơ	K. QL - Phụng Hiệp	0,89→0,97	↑
26	Phước Long	Phước Long	Cà Mau	K. QL - Phụng Hiệp	1,06→1,04	↓
27	Giồng Riềng	Giồng Riềng	An Giang	K. Nước Mặn	0,85→0,96	↑

Ghi chú: Trong cột H_max dự báo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong 10 ngày tới.

3.2.3 Vùng Ven Biển ĐBSCL

Mức nước các trạm trên vùng Ven Biển có xu thế tăng và đạt đỉnh kỳ triều cường vào ngày 29-30/9 ở mức BĐI-BĐII, chỉ riêng trạm Cà Mau và trạm Sông Đốc duy trì ở mức cao trên BĐIII. Nguy cơ cao sẽ xảy ra ngập tại một số khu vực có địa hình thấp trũng trên vùng Ven Biển trong 10 ngày tới do mưa lớn kết hợp triều cường, đặc biệt bên trong vùng nội đồng, [xem Bảng 12].

Bảng 12. Diễn biến mực nước dự báo ở các trạm nội đồng vùng Ven Biển ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max dự báo	Xu thế
1	Bình Đại	Bình Đại	Vĩnh Long	S. Cửa Đại	1,27→1,59	↑
2	An Thuận	Tân Thủy	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,19→1,49	↑
3	Bến Trại	Thanh Phong	Vĩnh Long	S. Cổ Chiên	1,43→1,76	↑
4	Trà Vinh	P. Hòa Thuận	Vĩnh Long	S. Cổ Chiên	1,65→1,94	↑
5	VB1	Đôn Châu	Vĩnh Long	K. Quan Chánh Bó	1,70→2,10	↑
6	Trần Đề	Trần Đề	Cần Thơ	S. Mỹ Thanh	1,79→2,24	↑
7	VB2	P. Khánh Hòa	Cần Thơ	S. Mỹ Thanh	1,44→1,80	↑
8	VB4	Giá Rai	Cà Mau	K. CM - Bạc Liêu	1,35→1,72	↑
9	VB3	P. Bạc Liêu	Cà Mau	S. Bạc Liêu	1,04→1,32	↑
10	Cà Mau	P. Lý Văn Lâm	Cà Mau	S. Gành Hào	1,07→1,17	↑
11	Năm Căn	Ngọc Hiển	Cà Mau	S. Cửa Lớn	1,16→1,48	↑
12	Sông Đốc	Trần Văn Thời	Cà Mau	S. Ông Đốc	0,89→1,26	↑
13	VB5	Thới Bình	Cà Mau	S. Trẹm	0,68→0,65	↓
14	Rạch Giá	P. Rạch Giá	An Giang	S. Kiên	0,55→0,72	↑
15	Xẻo Rô	Châu Thành	An Giang	S. Cái Lớn	0,49→0,86	↑
16	Vàm Răng	Hòn Đất	An Giang	K. RG - Hà Tiên	1,07→1,19	↑
17	Vàm Rầy	Hòn Đất	An Giang	K. HT - Rạch Giá	1,14→1,31	↑
18	VB7	An Minh	An Giang	K. Cán Gáo	0,58→0,60	↑
19	VB6	Vĩnh Thuận	An Giang	S. Cái Lớn	0,54→0,73	↑

Ghi chú: Trong cột H_max dự báo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong 10 ngày tới.

IV ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA MƯA, LŨ KẾT HỢP TRIỀU CƯỜNG CHÍNH VỤ NĂM 2026

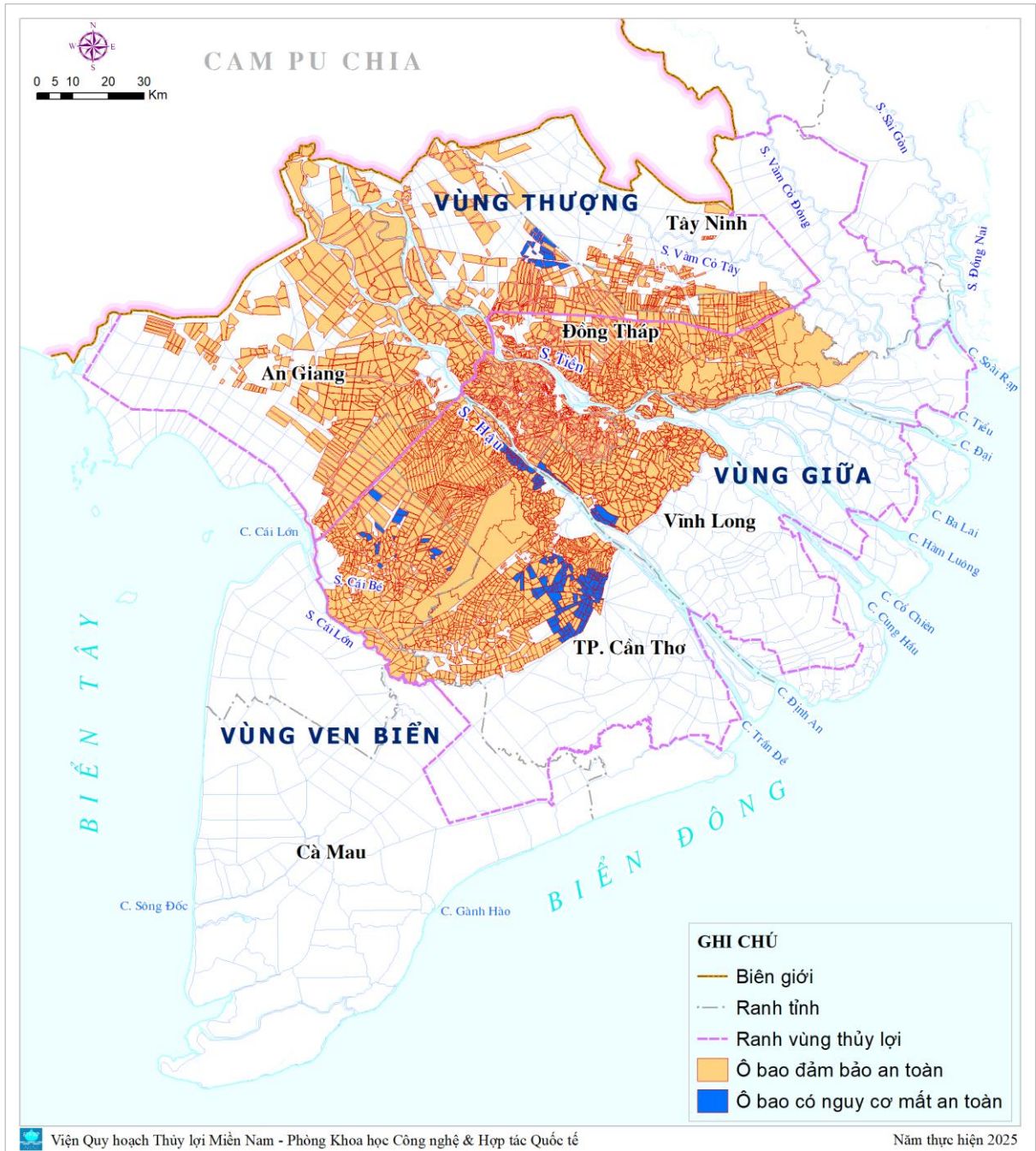
Đánh giá mức đảm bảo của hệ thống ô bao bờ bao KSL cả năm trên vùng ngập lũ thuộc vùng Thượng và vùng Giữa ĐBSCL ứng với mức lũ chính vụ 3,7 m tại Tân Châu kết hợp đỉnh triều 2026 cho thấy, có khá nhiều ô bao kiểm soát lũ cả năm có nguy cơ bị ảnh hưởng, đặc biệt là khu vực vùng Giữa ĐBSCL. Cụ thể, có khoảng 190 ô bao có nguy cơ bị ảnh hưởng, với tổng diện tích khoảng 38.022 ha. Trong đó, TP. Cần Thơ (thống kê trên địa phận TP Cần Thơ cũ và tỉnh Hậu

Giang cũ) có nguy cơ mất an toàn nhiều nhất 142 ô bao với tổng diện tích 25.298 ha, tiếp đến là tỉnh Đồng Tháp có nguy cơ mất an toàn 23 ô bao với tổng diện tích 5.230 ha, tỉnh An Giang có nguy cơ mất an toàn ít nhất chỉ 16 ô bao với tổng diện tích 4.204 ha (chủ yếu thuộc địa bàn huyện Giồng Riềng và huyện Tân Hiệp của tỉnh Kiên Giang cũ), tỉnh Vĩnh Long có nguy cơ mất an toàn ít nhất chỉ 9 ô bao với tổng diện tích 3.290 ha, tỉnh Tây Ninh không có ô bao có nguy cơ bị mất an toàn. Chi tiết xem bảng và hình sau:

Bảng 13. Bảng thống kê ô bao kiểm soát lũ cả năm có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi lũ chính vụ kết hợp triều cường dự báo năm 2026

TT	Tỉnh	Hiện trạng ô bao KSL cả năm		Ô bao có nguy cơ bị mất an toàn	
		Số lượng	Diện tích (ha)	Số lượng	Diện tích (ha)
1	Tây Ninh	182	34.840	0	0
2	Đồng Tháp	1.232	259.170	23	5.230
3	Vĩnh Long	340	77.134	9	3.290
4	An Giang	980	342.923	16	4.204
5	Cần Thơ	1.395	251.242	142	25.298
Tổng		4.129	965.309	190	38.022

Số liệu Ô bao, bờ bao tỉnh Tây Ninh chỉ thống kê số liệu thuộc vùng ĐBSCL



Hình 14. Bản đồ vị trí các ô bao kiểm soát lũ cả năm bị ảnh hưởng ứng với mức lũ chính vụ kết hợp triều cường năm 2026 trên vùng ngập lũ ĐBSCL

- Đối với các HTTL thuộc các tỉnh ven biển ĐBSCL đã khép kín gồm HTTL Gò Công, HTTL Nhật Tảo – Tân Trụ, HTTL Bắc Bến Tre, HTTL Nam Măng Thít, HTTL Long Phú – Tiếp Nhật, HTTL Quản Lộ - Phụng Hiệp, các hệ thống thủy lợi này cơ bản an toàn ứng với mức lũ và triều như dự báo. Các HTTL khác và các vùng ven sông do chưa khép kín nên vẫn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn ứng với mức lũ và triều như dự báo do cao trình các ô bao bảo vệ sản xuất bên trong nội đồng ở mức thấp và chưa được đầu tư kiên cố.

- Khu vực ven biển thuộc địa bàn các tỉnh An Giang, Cà Mau, TP. Cần Thơ cần hết sức đề phòng ngập úng do mưa và triều cường. Những tiểu vùng tuy đã

có ô bao khép kín nhưng do địa hình thấp, cao trình bờ đê bao ở mức thấp, chân triều cao nên khó khăn trong việc tiêu rút nước dễ xảy ra tình trạng ngập úng khi mưa lớn và triều cường, vì vậy cần đề phòng và có các phương án chủ động ứng phó, đặc biệt từ nay đến cuối tháng 11, vì thời gian này thường xảy ra mưa lớn và triều cao nhất năm. Những tiểu vùng chưa khép kín, nguy cơ xảy ra ngập úng ở mức cao hơn so với các tiểu vùng khép kín, vì vậy cần hết sức lưu ý đặc biệt trong các tháng xảy ra triều cường cao và mưa lớn.



Hình 15. Bản đồ vị trí các HTTL và tiểu vùng thủy lợi trên vùng ĐBSCL

V KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1 Kết luận

Hình thái thời tiết chủ đạo ảnh hưởng đến lưu vực hạ lưu sông Mê Công trong tuần qua là gió mùa Tây Nam và ATNĐ gây mưa ở mức trung bình trên lưu vực. Mức nước tại trạm Kratie trong tuần qua có xu thế giảm nhưng vẫn duy trì ở mức cao hơn khá nhiều so với TBNN và năm 2025. Tổng lượng lũ tại Kratie từ đầu mùa lũ đến nay lớn hơn cùng kỳ TBNN khoảng 7%, nhưng vẫn còn nhỏ hơn cùng kỳ năm 2025 khoảng 7%.

Tuần qua, mực nước đầu nguồn sông Cửu Long tại Tân Châu và Châu Đốc có xu thế giảm đến ngày 21/9/2026, sau đó tăng trở lại đến nay, hiện mực nước đạt 3,4 m tại Tân Châu và 3,04 tại Châu Đốc. Mực nước lũ nội đồng ĐBSCL có xu thế giảm đến ngày 20-21/9, sau đó tăng trở lại theo triều. Mực nước vùng Thượng xấp xỉ TBNN, cao hơn cùng kỳ năm 2025, phổ biến cao hơn mức BĐI, riêng các trạm Long Xuyên (tỉnh An Giang), Trường Xuân (tỉnh Đồng Tháp) và trạm Mộc Hóa (tỉnh Tây Ninh) mực nước biến đổi phổ biến trên mức BĐII. Vùng Giữa mực nước biến đổi từ BĐI-BĐII, một số trạm trên BĐII. Vùng Ven Biển mực nước phổ biến dưới BĐI, chỉ riêng trạm Cà Mau (tỉnh Cà Mau) và trạm Sông Đốc (tỉnh Cà Mau). Với mức lũ hiện nay các ô bao bảo vệ sản xuất đều đảm bảo an toàn, khu vực bị ngập lũ đều là các khu vực ô bao kiểm soát lũ tháng 8 đã thu hoạch xong vụ Hè Thu và khu vực các ô bao kiểm soát lũ cả năm không sản xuất vụ Thu Đông chủ động xả lũ.

Mực nước dự báo 5 ngày tới trên dòng chính sông Mê Công tại trạm Kratie có xu thế giảm khá mạnh, trạm Prek Kdam có xu thế giảm nhẹ; dung tích Biển Hồ trong 5 ngày tới có xu thế tăng; mực nước lớn nhất ngày tại Tân Châu và Châu Đốc dự báo trong 5 ngày tới có xu thế tăng; mưa dự báo tuần tới trên lưu vực hạ lưu sông Mê Công ở mức trung bình đến mức thấp; mưa dự báo trên vùng ĐBSCL ở mức khá cao; thủy triều ở mức trung bình và tiếp tục tăng trong 5 ngày tới, sau đó giảm trở lại.

Lũ đầu nguồn sông Cửu Long đang lên theo triều cường rằm tháng tám âm lịch, dự báo đạt đỉnh vào ngày 30/9-01/10/2026, tại Tân Châu khoảng 3,60 - 3,70 m (>BĐI 0,1 - 0,2 m); Châu Đốc khoảng 3,3 - 3,4 m (>BĐI 0,3 - 0,4 m), nếu không có mưa bão bất thường thì đây cũng là đỉnh lũ chính vụ năm 2026.

Trong 10 ngày tới, mực nước nội đồng vùng Thượng, vùng Giữa và vùng Ven Biển đều có xu thế tăng và đạt đỉnh kỳ triều cường kết hợp lũ chính vụ vào các ngày cuối tháng 9 đầu tháng 10 ở mức khá cao, phổ biến từ BĐI-BĐII trên vùng Thượng, lớn hơn BĐIII trên vùng Giữa, từ BĐII-BĐIII trên vùng Ven Biển. Nguy cơ cao sẽ xảy ra ngập úng nhiều nơi trên vùng ĐBSCL trong 10 ngày tới.

5.2 Kiến nghị

- Một số địa phương vùng Thượng ĐBSCL thuộc khu vực ven sông chính chịu tác động mạnh bởi triều cường như TP. Long Xuyên (cũ) của tỉnh An Giang và khu vực trung tâm vùng Đồng Tháp Mười thuộc huyện Tháp Mười (cũ) của tỉnh Đồng Tháp, cần đề phòng nguy cơ ngập úng/vỡ tràn bờ bao sản xuất có thể xảy ra do triều cường tăng trong tuần tới kết hợp lũ đầu nguồn, đặc biệt từ ngày 27/9 đến ngày 02/10/2026.

- Các địa phương vùng Giữa ĐBSCL cần đề phòng và chủ động các phương án ứng phó với nguy cơ cao ngập úng/vỡ tràn bờ bao sản xuất sẽ xảy ra trong 10 ngày tới do tác động của mưa lũ và triều cường, đặc biệt từ ngày 27/9 đến ngày 02/10/2026. Trong đó, nguy cơ ngập nghiêm trọng nhất được nhận định sẽ xảy ra trên các khu vực trung tâm thuộc TP. Cần Thơ, tỉnh Vĩnh Long và khu vực giữa 2 sông Tiền sông Hậu thuộc tỉnh Đồng Tháp.

- Các địa phương vùng Ven Biển ĐBSCL, đặc biệt các khu vực dân sinh và vùng sản xuất Tôm – Lúa có địa hình thấp trũng ven sông chính như vùng trung tâm tỉnh Cà Mau, các tiểu vùng thủy lợi Bắc Cà Mau, khu vực bên trong HTTL Quản Lộ - Phụng Hiệp và khu vực ven sông Gành Hào thuộc 2 tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu (cũ), cần đề phòng và chủ động các phương án ứng phó với nguy cơ cao ngập úng/vỡ tràn bờ bao sản xuất sẽ xảy ra trong 10 ngày tới.

- Các địa phương vùng ĐBSCL, đặc biệt các khu vực được nêu trên cần khẩn trương rà soát, gia cố các bờ bao xung yếu. Chủ động các phương án bơm tiêu để phòng chống và giảm thiểu những tác động của mưa, lũ, triều cường trong kỳ tới.

Mức độ tác động của mưa, lũ, kết hợp triều cường kỳ tới đến sản xuất và sinh hoạt của người dân trên vùng ĐBSCL được nhận định, đánh giá là khá nghiêm trọng. Vì vậy, để có các thông tin kịp thời nhằm chủ động các phương án ứng phó, kiến nghị các địa phương vùng ĐBSCL phải theo dõi chặt chẽ các thông tin dự báo từ các tổ chức như MRC, Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương, Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh, Dự báo nguồn nước vùng ĐBSCL của Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam... để kịp thời xây dựng kế hoạch ứng phó phù hợp.

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT (để b/c);
- Trung tâm QH&ĐTTNNQG (để b/c);
- Cục QL&XDCTTL (để b/c);
- Sở NN&MT các tỉnh ĐBSCL;
- Chi cục Thủy lợi các tỉnh ĐBSCL;
- Phòng Kinh tế/Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các xã/phường thuộc các tỉnh ĐBSCL;
- Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam;
- Viện trường (để b/c);
- Lưu VPV.

VIỆN TRƯỞNG

Thông tin chi tiết liên hệ:

- | | | | |
|---------------------|-----------------|---------------------|-----------------------------------|
| - Chủ nhiệm dự báo: | Nguyễn Huy Khôi | - DĐ: 0913.106.641; | Email: nhkhoihl@yahoo.com |
| - Dự báo viên: | Trần Mạnh Thứ | - DĐ: 0967.161.808; | Email: |
| | Trần Đức Đông | - DĐ: 0989.872.205; | Email: tranducdongvn@yahoo.com.vn |